

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 201/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ trụ sở: Tổ X, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: **Ông L.V.T** – Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: **Bà N.T.B** – cán bộ Ngân hàng.

- Bị đơn: 1. Ông N.A.T, sinh năm: 1970;

2. Bà N.K.T, sinh năm: 1971;

Cùng ĐKKHKT và nơi ở: Tổ Y, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông N.A.T và bà N.K.T xác nhận có ký với Ngân hàng S 04 Hợp đồng tín dụng và 01 Hợp đồng thẻ Visa. Cụ thể:

- Hợp đồng cho vay từng lần số REF1836100501/HĐTD/HNT-NAT ngày 11/01/2019 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ đồng*); Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Sửa chữa nhà ở; Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay

trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,99%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với Khách hàng cá nhân. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 15/01/2020, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng (=) Lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với Khách hàng cá nhân của S đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 4,09%/năm; Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn và Bằng 10%/năm được áp dụng đối với dư nợ lãi chậm trả.

- Hợp đồng cho vay từng lần số REF2202000297/HĐTD/HNT-NAT ngày 24/01/2022 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 750.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn cho vay: từ ngày 25/01/2022 đến ngày 25/01/2032; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 7,99%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi Lãi suất cơ sở do S ban hành từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 25/01/2023, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng (=) Lãi suất cơ sở của S đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 3,99%/năm; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng cho vay từng lần số REF2304600342/HĐTD/HNT-NAT ngày 16/02/2023 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng); Thời hạn cho vay: từ ngày 16/02/2023 đến ngày 16/02/2033; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 15,39%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi Lãi suất cơ sở do S ban hành từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/4/2023, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng (=) Lãi suất cơ sở của S đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 4,39%/năm; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2304600340/HĐTD/HNT-NAT ngày 16/02/2023 với nội dung cụ thể như sau: Hạn mức thấu chi: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng); Thời hạn của Hạn mức thấu chi: 12 tháng tính từ ngày S mở hạn mức thấu chi. Ngày S mở hạn mức thấu chi là ngày 16/02/2023; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay

trong hạn áp dụng tại thời điểm ký Hợp đồng là 15,09%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong suốt thời hạn vay vốn; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 02/2/2023 đứng tên ông N.A.T có hạn mức tín dụng 25.000.000 đồng.

2.2. Ông N.A.T và bà N.K.T xác nhận tạm tính đến ngày 22/7/2024, ông N.A.T và bà N.K.T còn nợ S tổng số tiền là 1.267.015.099 đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần số REF1836100501/HĐTD/HNT-NAT ngày 11/01/2019 tổng nợ là: 473.323.767 đồng. Trong đó, tổng nợ gốc: 458.904.932 đồng (nợ gốc trong hạn: 449.956.000 đồng, nợ gốc quá hạn: 8.948.932), nợ lãi trong hạn: 14.065.070 đồng, nợ lãi quá hạn: 353.765 đồng.

- Hợp đồng cho vay từng lần số REF2202000297/HĐTD/HNT-NAT ngày 24/01/2022 tổng nợ là: 585.270.109 đồng; Trong đó, tổng nợ gốc: 573.079.616 (nợ gốc trong hạn: 568.750.000 đồng, nợ gốc quá hạn: 4.329.616 đồng), nợ lãi trong hạn: 11.877.527, nợ lãi quá hạn: 312.966 đồng.

- Hợp đồng cho vay từng lần số REF2304600342/HĐTD/HNT-NAT ngày 16/02/2023: Tổng nợ gốc: 171.661.000 đồng.

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2304600340/HĐTD/HNT-NAT ngày 16/02/2023 tổng nợ là: 12.355.311 đồng. Trong đó, nợ gốc: 11.074.556 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.280.755 đồng.

- Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 02/2/2023 tổng nợ là: 24.404.912 đồng. Trong đó, nợ gốc: 24.401.000 đồng, nợ lãi: 3.912 đồng.

2. Phương án trả nợ cụ thể như sau:

- Chậm nhất ngày 31/8/2024: Ông N.A.T và bà N.K.T trả nợ cho S phần dư nợ gốc quá hạn, lãi trong hạn và lãi quá hạn của các Hợp đồng nêu trên tính đến thời điểm thanh toán (31/8/2024), tạm tính đến ngày 22/7/2024 là: **52.247.099 đồng** (cụ thể: nợ gốc quá hạn là 24.353.104 đồng, lãi trong hạn là 25.942.597 đồng, lãi quá hạn: 1.951.398 đồng);

- Từ ngày 01/9/2024: Ông N.A.T và bà N.K.T tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho S theo thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày 23/7/2024, ông N.A.T và bà N.K.T tiếp tục phải chịu các khoản tiền lãi, phí... phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay từng lần số REF1836100501/HĐTD/HNT-NAT ngày 11/01/2019, Hợp đồng cho vay từng lần số REF2202000297/HĐTD/HNT-NAT ngày 24/01/2022, Hợp đồng cho vay từng lần số REF2304600342/HĐTD/HNT-NAT ngày 16/02/2023, Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2304600340/HĐTD/HNT-NAT ngày 16/02/2023 và Hợp đồng

hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 02/2/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp ông N.A.T và bà N.K.T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 9, có diện tích 25,5 m², tại địa chỉ: Tổ C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101113051, Hồ sơ gốc số 5324.2000.QĐUB/19819.2000 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2000 thuộc sở hữu của ông N.A.T và bà N.K.T để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng S.

Khi phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ, nếu thừa thì phải trả lại cho ông N.A.T và bà N.K.T, nếu thiếu thì ông N.A.T và bà N.K.T tiếp tục phải trả cho Ngân hàng S số tiền còn thiếu.

- Về án phí: Ông N.A.T, bà N.K.T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông N.A.T, bà N.K.T tự nguyện chịu cả 25.005.226 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm linh năm nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng) án phí hòa giải thành dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 33.698.979 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0030238** ngày 24/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hoàng Nam Hải

